

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NGẠN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2023/HNGĐ-ST

Ngày 13-02-2023

V/v: Tranh chấp về ly hôn,
con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Nhường.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Ngọc Côn.

2. Bà Nguyễn Thị Công Mừng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Diệp Thu Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Đào Duy Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 487/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn, con chung”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Vi Thị B, sinh năm: 1994. Địa chỉ: Thôn X, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Lý Văn N, sinh năm: 1989. Địa chỉ tại: Thôn X, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05-10-2022 và những lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Vi Thị B, bị đơn anh Lý Văn N trình bày thì nội dung vụ án như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Vi Thị B và anh Lý Văn N kết hôn với nhau vào ngày 26 tháng 8 năm 2011, trước khi kết hôn có được tìm hiểu nhau trên cơ sở tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, chị B anh N có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau ngày cưới chị B anh N về chung sống cùng nhau ngay và ở cùng gia đình anh N. Chị B anh N đều xác định cuộc sống vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc. Về mâu thuẫn vợ chồng chị B cho rằng chỉ được một thời gian ngắn là phát sinh mâu thuẫn, đến đầu năm 2022 thì chị và anh N phát sinh mâu thuẫn nghiêm trọng, nguyên nhân là do chị và anh N bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong nhiều vấn đề. Anh N thường xuyên ghen tuông vô cớ, hay đi cờ bạc dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi nhau. Chị và anh N sống ly thân từ tháng 7/2022 đến nay không ai quan tâm tới ai. Về mâu thuẫn vợ chồng anh N cho rằng đến khi con thứ hai được 3 tuổi vào năm 2017 chị B đi làm công ty thì anh phát hiện chị B có quan hệ bất chính với người đàn ông khác nên vợ chồng có xảy ra cãi nhau, việc này gia đình chị B có khuyên bảo chị B nhiều lần, bản thân anh cũng tha thứ và bỏ qua nhưng chỉ được một thời gian chị B lại tự ý bỏ đi, không quay về, không quan tâm đến anh và các con, tình trạng này diễn ra nhiều lần nhưng chị B không thay đổi. Đến ngày 15/7/2022 chị B bỏ đi đâu anh không rõ, anh có liên lạc với chị B nhiều lần nhưng không được. Anh cũng biết được hiện nay chị B đã chung sống với người đàn ông khác, ngoài ra giữa anh và chị Mến thỉnh thoảng có cãi nhau nhưng anh không đánh chị B lần nào. Ngoài mâu thuẫn trên theo anh N thì anh và chị B không có mâu thuẫn nào khác. Đến nay chị B xác định không còn tình cảm với anh N nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N, anh N không đồng ý ly hôn với chị B vì muốn con cái có đủ cả bố mẹ.

Về con chung: Chị Vi Thị B và anh Lý Văn N có 02 con chung là Lý Thanh T, sinh ngày 26/01/2012 và Lý Thị Kim O, sinh ngày 28/9/2014. Khi ly hôn nguyện vọng của chị B là mỗi người nuôi dưỡng một con chung, cụ thể là chị nhận nuôi cháu Lý Kim Oanh, anh N nuôi dưỡng cháu Lý Thanh Trâm. Anh N trình bày nếu vợ chồng không thể hòa giải mà phải ly hôn thì nguyện vọng của anh là được nuôi dưỡng cả hai con chung vì mong muốn các con có cả chị cả em, các cháu đang sinh sống và học tập ổn định tại địa phương nên không cần thiết phải thay đổi. Anh đã có nhà riêng, có công việc ổn định, có thu nhập ổn định (Anh làm việc tại Tập đoàn khoa học Hồng Hải ở khu công nghiệp Quang Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang), mức lương trung bình hàng tháng là từ 10.000.000 đồng đến 11.000.000 đồng. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị B anh N đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hai con chung là cháu Lý Thanh Trâm và Lý Thị Kim Oanh trình bày nguyện vọng được ở với anh N khi anh N chị B ly hôn.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Vi Thị B và anh Lý Văn N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Vi Thị B vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Trong đơn xét xử vắng mặt chị trình bày vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh N. Về con chung anh N có nguyện vọng nuôi cả 02 con chung thì chị cũng nhất trí để anh N nuôi dưỡng 02 con chung nhưng đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được quyền đi lại thăm nom con chung, cấp dưỡng nuôi con, tài sản, công nợ chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị B anh N đều vắng mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện của chị B và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự. Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nguyên tắc, trình tự tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vi Thị B, cho chị Vi Thị B được ly hôn với anh Lý Văn N.

- Về con chung: Giao hai con chung là Lý Thanh T, sinh ngày 26/01/2012 và Lý Thị Kim O, sinh ngày 28/9/2014 cho anh Lý Văn N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Áp dụng Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc chị Vi Thị B phải

chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Vi Thị B có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, con chung với anh Lý Văn N. Bị đơn anh Lý Văn N đang sinh sống và ở tại thôn X, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Hội đồng xét xử xác định: Về quan hệ pháp luật đây là vụ án “Tranh chấp về ly hôn, con chung” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Về thẩm quyền: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Vi Thị B vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Lý Văn N được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt chị Vi Thị B và anh Lý Văn N.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Chị Vi Thị B và anh Lý Văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang vào ngày 26 tháng 08 năm 2011. Trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Như vậy xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Trong quá trình chung sống chị B và anh N đều xác định vợ chồng có mâu thuẫn. Chị B cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, anh N có chơi bời cơ bạc nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau thậm chí anh N còn đánh chị. Anh N cho rằng mâu thuẫn chính giữa anh và chị B là do chị B có quan hệ bất chính với người khác. Từ năm 2017 anh đã tha thứ nhiều lần nhưng chị B không thay đổi, thường xuyên bỏ nhà đi. Đến tháng 7/2022 thì chị B bỏ nhà đi hẳn để chung sống với người khác dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Chị B anh N đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2022 đến nay không còn ai quan tâm tới ai. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị B anh N là có thật. Sau khi thụ lý vụ án chị B đều cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với anh N nữa nên chị đề nghị ly hôn với anh N. Quá trình giải quyết vụ án anh N đề nghị Tòa án hòa giải để anh và chị B về đoàn tụ, tuy nhiên chị B có đơn

xin vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải cho chị B và anh N được. Anh N xác định vợ chồng có mâu thuẫn nhưng để con cái có gia đình nên anh không nhất trí ly hôn với chị B.

[5] Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng cả chị Vi Thị B và anh Lý Văn N đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo như các quy định đã nêu ở trên. Như vậy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Vi Thị B và anh Lý Văn N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc anh Lý Văn N không nhất trí ly hôn chỉ nhằm mục đích kéo dài tình trạng hôn nhân không có hạnh phúc giữa chị B và anh N. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Vi Thị B được ly hôn anh Lý Văn N. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc cho chị B được ly hôn với anh N phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần được chấp nhận.

[6] Về con chung: Chị Vi Thị B và anh Lý Văn N có 02 con chung là Lý Thanh T, sinh ngày 26/01/2012 và Lý Thị Kim O, sinh ngày 28/9/2014. Trường hợp vợ chồng ly hôn anh N nhận nuôi dưỡng cả hai con chung của vợ chồng, chị B đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi vợ chồng ly thân thì hai con chung ở cùng anh N do anh N nuôi dưỡng. Cả hai con chung đều có nguyện vọng ở cùng anh N khi bố mẹ ly hôn. Do vậy, cần giao cháu Lý Thanh T và Lý Thị Kim O cho anh Lý Văn N trực tiếp nuôi dưỡng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nguyện vọng của anh N chị B và con chung, phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét, giải quyết vì các đương sự không yêu cầu.

[7] Về tài sản chung, công nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6, điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc chị Vi Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Vi Thị B được ly hôn với anh Lý Văn N.
2. Về con chung: Giao hai con chung là Lý Thanh T, sinh ngày 26/01/2012 và Lý Thị Kim O, sinh ngày 28/9/2014 cho anh Lý Văn N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét giải quyết.
- Sau khi ly hôn chị Vi Thị B được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở chị B thực hiện quyền này.
3. Về án phí: Chị Vi Thị B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số **0011153** ngày 14 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Vi Thị B đã nộp đủ án phí sơ thẩm.
4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn.
- UBND xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang (Số 32/2011);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Nguyễn Đức Như